

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 42/2022/DS-ST

Ngày: 23/5/2022

V/v tranh chấp hội, vay.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Kim Thị Sà Mết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hội, vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm B, sinh năm 1951 và bà Diệp Ngọc C, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm B và bà Diệp Ngọc C: Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Chí E, sinh năm 1976 và bà Trương Thị G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Thanh D, trình bày: Vào ngày 20/6/2019 âm lịch, ông Phạm B và bà Diệp Ngọc C có tham gia chơi hội do bà Trương Thị G làm chủ hội, đây hội tháng, một kháng khui một lần cố định vào ngày 20 hàng tháng, hội 1.000.000 đồng. Đây hội có 27 chân, ông Phạm B (B), bà Diệp Ngọc C tham gia 02 chân hội. Ông Oai, bà C hốt hội chót (02 chân) được số tiền 50.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo của 2 chân hội là 1.000.000 đồng, số tiền bà G, ông E phải giao là 49.000.000 đồng. Bà G đã thanh toán được 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 39.500.000 đồng. Các lần khui hội tại nhà bà G có ông E chứng kiến, ông E có chở bà G đi gom hội.

Ngoài ra, năm 2020, 2021 bà G, ông E có hỏi vay tiền của bà C 03 lần, số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 28/01/2020 âm lịch vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không làm biên nhận. Đã thanh toán được 2.000.000 đồng tiền lãi

- Ngày 26/10/2020 âm lịch, vay của bà C 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không làm biên nhận, đã thanh toán được một phần tiền lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể.

- Ngày 07/3/2021 âm lịch, vay của bà C 10.000.000 đồng, lãi suất 400.000đ/10 ngày, không làm biên nhận, chưa thanh toán lãi.

Hiện nay số tiền vốn bà G, ông E vẫn còn nợ 30.000.000 đồng.

Nay bà Diệp Ngọc C và ông Phạm B yêu cầu bà Trương Thị G và ông Phan Chí E có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi là 39.500.000 đồng, tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng là 69.500.000 đồng. Không yêu cầu tính từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử, yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án cho đến khi thanh toán hết nợ. Tại đơn khởi kiện, do tính toán sai số tiền nên bà C, ông Oai yêu cầu bà G, ông E thanh toán số tiền nợ hụi là 49.000.000 đồng, nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền hụi 9.500.000 đồng, yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 39.500.000 đồng và tiền nợ vay là 30.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022, đồng bị đơn bà Trương Thị G, trình bày: Vào ngày 20/6/2019 âm lịch, bà có làm chủ hụi, đây hụi tháng, một kháng khui một lần cố định vào ngày 20 hàng tháng, hụi 1.000.000 đồng. Đây hụi có 27 chân, ông Phạm B (B) tham gia 02 chân hụi. Ông Oai hốt hụi chót (02 chân) được số tiền 50.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo của 2 chân hụi là 1.000.000 đồng, số tiền bà phải giao là 49.000.000 đồng. Năm 2021 (không nhớ ngày, tháng), bà có trừ tiền hụi của con bà C và đưa cho cháu ngoại bà C tổng cộng là 6.500.000 đồng, không nhớ số tiền trừ hụi cũng như không nhớ số tiền đưa cho cháu ngoại bà C chỉ nhớ tổng là 6.500.000 đồng. Cũng trong năm 2021 (không nhớ ngày, tháng) bà có giao cho con rể bà C tên Luân (không biết chính xác họ tên) số tiền 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã cân trừ và giao cho con rể, cháu ngoại bà C là 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 39.500.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2020, 2021 bà có hỏi vay tiền của bà C 03 lần, số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 28/01/2020 âm lịch tôi có hỏi vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không làm biên nhận.

- Ngày 26/10/2020 âm lịch, tôi có vay của bà C 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không làm biên nhận.

Đối với số tiền vay ngày 28/01/2020 và ngày 26/10/2020 bà có thanh toán tiền lãi cho bà C nhưng hai bên cân trừ vào tiền hụi mà bà C tham gia, tổng số tiền lãi mà bà đã trả là khoảng gần 20 triệu đồng, không làm biên nhận cũng không có giấy tờ gì thể hiện mà chỉ là thỏa thuận bằng lời nói của hai bên.

Ngày 07/3/2021 âm lịch, bà vay của bà C 10.000.000 đồng, lãi suất 400.000đ/10 ngày, không làm biên nhận. Tiền lãi bà C trừ vào tiền hụi mà bà C chơi của bà, không nhớ số tiền cụ thể cũng không có giấy tờ thể hiện.

Hiện nay số tiền vốn bà vẫn còn nợ 30.000.000 đồng.

Nay bà thừa nhận còn nợ bà C, ông Oai tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền hụi là 39.500.000 đồng, tổng cộng là 69.500.000 đồng, bà đồng ý thanh toán số tiền 69.500.000 đồng cho bà C, ông Oai. Ngoài ra, không còn ý kiến gì khác. Đối với phần tiền lãi bà đã thanh toán bà không nhớ số tiền cụ thể cũng không có gì chứng minh nên bà không có ý kiến gì.

Việc bà làm chủ hụi ông E có ngăn cản nhưng khi bà mở hụi, khai hụi và đi gom hụi thì ông E biết, ông E có chở bà đi gom hụi và có khi ông E tự đi gom hụi.

Việc bà vay tiền của bà C, ông Oai là do bà không có khả năng giao tiền hụi cho ông Oai, bà C khi ông Oai, bà C hốt hụi nên các bên thống nhất chuyển thành nợ vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022, đồng bị đơn ông Phan Chí E, trình bày: Ông là chồng của bà Trương Thị G, chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn, còn bà C và ông Oai chỉ là hàng xóm. Việc bà Trương Thị G là vợ ông làm chủ hụi và vay tiền của bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B ông hoàn toàn không biết. Khi bà G làm chủ hụi ông có ngăn cản, không cho bà G làm chủ hụi nhưng bà G vẫn cố tình làm chủ hụi. Nay ông Phạm B và bà Diệp Ngọc C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà C, ông Oai là ông không đồng ý, ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà G, bà G tự có trách nhiệm trả, ông không liên quan. Có vài lần bà G kêu ông chở đi gom hụi của hụi viên, cũng có lần ông tự đi gom hụi. Vào ngày khai hụi thì khai tại nhà ông, khi ông có nhà khi không có nhà. Ông xác định đây là nợ riêng của vợ ông, không liên quan đến ông. Do ông bận đi làm nên ông xin vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án mời làm việc, mời tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Trương Thị G đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Phan Chí E chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, Điều 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B đối với ông Phan Chí E, bà Trương Thị G về việc yêu cầu ông Phan Chí E, bà Trương Thị G có nghĩa vụ thanh toán số tiền 69.500.000 đồng, không

yêu cầu tính lãi. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C yêu cầu bà Trương Thị G, ông Phan Chí E thanh toán tiền nợ hui số tiền 9.500.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Phan Chí E, bà Trương Thị G phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B yêu cầu ông Phan Chí E, bà Trương Thị G thanh toán nợ hui, vay. Hiện nay, ông Phan Chí E, bà Trương Thị G cư trú tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B ủy quyền cho ông Phạm Thanh D, tại phiên tòa ông Phạm Thanh D có mặt, bà Trương Thị G, ông Phan Chí E đã được tổng đạt hợp C Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B đối với bà Trương Thị G, ông Phan Chí E thanh toán số tiền nợ hui là 49.000.000 đồng nhưng tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Thanh D xác định số tiền yêu cầu ông E, bà G thanh toán là 39.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B cung cấp Đơn xin mở tổ hùnh vốn (bản phô tô). Theo ông Phạm Thanh D trình bày, vào ngày 20/6/2019 âm lịch, ông Phạm B và bà Diệp Ngọc C có tham gia chơi hui do bà Trương Thị G làm chủ hui, dây hui tháng, một kháng khui một lần cố định vào ngày 20 hàng tháng, hui 1.000.000 đồng. Dây hui có 27 chân, ông Phạm B (B), bà Diệp Ngọc C tham gia 02 chân hui. Ông Oai, bà C hót hui chót (02 chân) được số tiền 50.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo của 2 chân hui là 1.000.000 đồng, số tiền bà G phải giao là 49.000.000 đồng. Bà G đã thanh toán được 9.500.000 đồng. Còn nợ lại 39.500.000 đồng. Bà Trương Thị G thừa nhận ngày 20/6/2019 âm lịch bà có làm chủ hui, dây hui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần cố định vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, dây hui có 27 chân, ông Oai, bà C tham gia 02 chân, hót hui chót được số tiền 50.000.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng/02 chân, số tiền hót được là 49.000.000 đồng, bà G đã thanh toán được 9.500.000 đồng, còn nợ 39.500.000 đồng. Ông Phan Chí E cho rằng việc bà G làm chủ hui và vay tiền của bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B ông hoàn toàn không biết. Khi bà G làm chủ hui ông có ngăn cản, không cho bà G làm chủ hui nhưng bà G vẫn cố tình làm chủ hui. Nay ông Phạm B và bà Diệp Ngọc C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông cùng có

trách nhiệm thanh toán nợ cho bà C, ông Oai là ông không đồng ý, ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà G, bà G tự có trách nhiệm trả, ông không liên quan. Tuy nhiên, ông E cũng thừa nhận ông và bà G cưới nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn, ông và bà G vẫn còn chung sống với nhau. Việc bà G làm chủ hội ông không biết nhưng có vài lần bà G kêu ông chở đi gom hội của hội viên, cũng có lần ông tự đi gom hội. Vào ngày khai hội thì khai tại nhà ông, khi ông có nhà khi không có nhà. Do đó, ông xác định đây là nợ riêng của vợ ông, không liên quan đến ông là không có căn cứ vì ông và bà G là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn, ông có vài lần chở bà G đi gom hội và cũng có lần ông tự đi gom nên việc ông cho rằng bà G làm chủ hội ông không biết và không cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là nợ chung của ông E và bà G nên ông E, bà G phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hội 39.500.000 đồng cho bà C, ông Oai.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B đối với bà Trương Thị G, ông Phan Chí E về tranh chấp nợ vay. Tuy việc vay tiền giữa ông Oai, bà C với ông E, bà G không làm biên nhận nhưng bản thân bà G thừa nhận do không có tiền giao hội cho ông Oai, bà C nên bà chuyển thành nợ vay. Số tiền vay mà nguyên đơn và bị đơn bà Trương Thị G thống nhất là 30.000.000 đồng. Bà G đồng ý thanh toán số tiền này cho ông Oai, bà C. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của số tiền vay 30.000.000 đồng. Bị đơn bà G thừa nhận đã thanh toán được một phần tiền lãi nhưng không nhớ số tiền cụ thể và không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã thanh toán nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Việc ông E cho rằng bà G vay tiền ông không biết nên không đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán. Ông E thừa nhận ông và bà G là vợ chồng, nợ trong thời kỳ hôn nhân được xác định là nợ chung của vợ chồng nên ông E phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vay cho bà C, ông Oai số tiền 30.000.000 đồng. Ông Oai, bà C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, ông Phan Thanh D xác định số tiền nợ hội của ông Phan Chí E, bà Trương Thị G là 39.500.000 đồng nhưng do đơn khởi kiện tính toán sai nên đã yêu cầu ông E, bà G thanh toán số tiền nợ hội là 49.000.000 đồng nên ông xin rG một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hội là 9.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C yêu cầu ông Phan Chí E, bà Trương Thị G thanh toán số tiền nợ hội là 9.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Phan Chí E và bà Trương Thị G phải chịu đối với số tiền có nghĩa vụ thanh toán cho bà Diệp Ngọc C, ông Phạm B là $69.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.475.000 \text{ đồng}$. Ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và C phí Tòa án.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, Điều 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và C phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C đối với ông Phan Chí E, bà Trương Thị G về tranh chấp đòi nợ hui, vay tài sản.

2. Buộc ông Phan Chí E, bà Trương Thị G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C số tiền nợ hui là 39.500.000 đồng và tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 69.500.000 đồng (Sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Phan Chí E, bà Trương Thị G không yêu cầu tính.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C yêu cầu ông Phan Chí E, bà Trương Thị G thanh toán số tiền nợ hui là 9.500.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Phan Chí E và bà Trương Thị G phải chịu nộp số tiền 3.475.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Phạm B, bà Diệp Ngọc C có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và được chấp nhận.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp C bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

